

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Huỳnh Thị Kiều Trâm

Khoa Giáo dục, Trường Đại học Đồng Tháp

Ngày nhận bài 08/10/2020, ngày nhận đăng 11/12/2020

Tóm tắt: Năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho học sinh tiểu học với nhiều hình thức đa dạng, phong phú là một yêu cầu đầu ra nhận được nhiều sự quan tâm tại các cơ sở giáo dục sư phạm tiểu học ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Tác giả đã thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn mở để đánh giá thực trạng năng lực tổ chức HĐTN của sinh viên ngành giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả cho thấy còn có nhiều hạn chế, thách thức trong việc tổ chức HĐTN của nhóm sinh viên được khảo sát. Một số biện pháp để nâng cao năng lực tổ chức HĐTN của sinh viên ngành giáo dục tiểu học được đề xuất, bao gồm: nâng cao nhận thức, tăng cường tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN, tăng cường điều kiện về vật lực, tài lực, tài liệu thông tin phục vụ cho tổ chức HĐTN; triển khai thường xuyên và phát huy vai trò chủ đạo của sinh viên. Kết quả thực nghiệm cho thấy năng lực của sinh viên không ngừng được nâng cao thông qua việc triển khai các giải pháp trên.

Từ khóa: Hoạt động trải nghiệm; năng lực tổ chức; giáo dục tiểu học.

1. Khái quát thực trạng năng lực tổ chức HĐTN của SV ngành giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

Với 5 cấp độ: 1. Không quan trọng (chưa quan tâm, chưa bao giờ, rất thiếu, không biết, không quản lý, không cần thiết, chưa thành thạo); 2. Ít quan trọng (ít quan tâm, hiếm khi, thiếu, ít biết, ít quản lý, ít cần thiết, ít thành thạo); 3. Không rõ (không ý kiến, tương đối, tương đối biết, tương đối cần thiết, phân vân); 4. Quan trọng (quan tâm, thường xuyên, đầy đủ, biết rõ, quản lý tốt, cần thiết, thành thạo); 5. Rất quan trọng (rất quan tâm, rất thường xuyên, rất đầy đủ, biết rất rõ, quản lý rất tốt, rất cần thiết, rất thành thạo), phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng với kết quả như sau (Bảng 1):

Bảng 1: *Thực trạng năng lực tổ chức HĐTN của SV ngành giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp*

Nội dung khảo sát	Phiếu khảo sát					Vấn đáp mở				
	Mức độ nhận thức (%)					Mức độ nhận thức (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
<i>Mức độ quan trọng, mức độ quan tâm, mức độ tự học, tự bồi dưỡng, mức độ triển khai thường xuyên</i>										
Mức độ quan trọng của HĐTN trong sự hình thành, phát triển nghề nghiệp bản thân phục vụ cho học tập trước mắt và giảng dạy sau này	4	14	60	14	8	8	18	56	14	4
Mức độ quan tâm của bản thân từ trước đến nay đối với việc nâng cao năng lực tổ chức HĐTN	22	28	44	4	2	18	44	32	6	0

Nội dung khảo sát	Phiếu khảo sát					Vấn đáp mở				
	Mức độ nhận thức (%)					Mức độ nhận thức (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Mức độ tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐTN	6	20	40	22	12	10	34	38	12	6
Ngoài học phần HĐTN trong chương trình, Trường có thường xuyên tổ chức HĐTN để anh (chị) được tham gia	46	28	12	10	4	32	34	20	8	6
Ngoài học phần HĐTN trong chương trình, Khoa có thường xuyên tổ chức HĐTN để anh (chị) được tham gia	26	46	8	10	10	16	44	14	14	12
Ngoài học phần HĐTN trong chương trình, Bộ môn có thường xuyên tổ chức HĐTN để anh (chị) được tham gia	18	42	16	4	0	22	38	20	10	10
Ngoài học phần HĐTN trong chương trình, Giảng viên (GV) có thường xuyên lồng ghép HĐTN vào các học phần khác trong quá trình giảng dạy	4	12	24	40	20	12	20	32	36	0
Mức độ thường xuyên của bộ môn trong việc tổ chức các hoạt động nhằm giúp SV hiểu biết những nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông	26	34	40	0	0	38	40	22	0	0
<i>Mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ cho tổ chức HĐTN</i>										
Mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất	50	30	12	8	10	34	36	8	12	10
Mức độ hỗ trợ tài chính	34	24	20	2	0	62	14	14	10	0
Mức độ đáp ứng của thông tin	8	20	40	20	12	18	52	24	2	4
<i>Mức độ hiểu biết của bản thân về nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông</i>										
Cấu trúc chung HĐTN trong chương trình GDPT năm 2018	56	44	0	0	0	48	50	2	0	0
Các mạch nội dung đối với từng lớp học cấp tiểu học	36	62	2	0	0	48	46	4	2	0
Các loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học	32	60	10	8	0	52	46	2	0	0
Quy mô tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học	42	42	16	0	0	44	46	8	2	0
Địa điểm tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học	54	34	8	4	0	50	34	16	0	0
Kế hoạch và xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN	48	32	14	4	2	51	31	18	0	0
Các sách giáo khoa HĐTN được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua để các Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương chọn	24	70	4	2	0	32	36	30	0	2
Nội dung của bộ sách giáo khoa HĐTN được chọn tại Đồng Tháp (hoặc địa phương mình dự kiến công tác sau khi ra trường)	24	66	6	4	0	30	44	16	10	0

Nội dung khảo sát	Phiếu khảo sát					Vấn đáp mở				
	Mức độ nhận thức (%)					Mức độ nhận thức (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Quá trình triển khai những hoạt động liên quan để giáo viên có thể dạy HĐTĐN trong năm học 2020-2021	32	54	10	2	2	38	50	10	2	0
<i>Mức độ hiểu biết phương pháp, công cụ đánh giá còn thấp, chưa tiến hành đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và quản lý đầy đủ hồ sơ HĐTĐN</i>										
Mức độ hiểu biết về phương pháp, công cụ đánh giá HĐTĐN còn thấp	56	36	8	0	0	52	34	14	0	0
Mức độ đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá	38	50	12	0	0	44	38	18	0	0
Mức độ quản lý đầy đủ hồ sơ HĐTĐN	30	64	6	0	0	44	36	10	10	0

Nguồn: Nhóm nghiên cứu thực hiện tháng 4, năm 2020, n= 50

Ghi chú: Trong vấn đáp mở, những trường hợp cho rằng quan trọng, rất quan trọng nhưng không có ví dụ minh họa cụ thể, sẽ xếp vào mức độ 3. Không rõ.

1.1. SV chưa nhận thức được tầm quan trọng, ít quan tâm, chưa tự học, tự bồi dưỡng nội dung liên quan đến HĐTĐN

Sử dụng khảo sát vấn đáp mở với phiếu khảo sát gồm 5 cấp độ 1. Không quan trọng, 2. Ít quan trọng, 3. Không rõ, 4. Quan trọng, 5. Rất quan trọng, để hỏi/đánh giá về mức độ nhận thức của SV đối với tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực tổ chức HĐTĐN. Kết quả cho thấy tỷ lệ ở mức 2, 3 chiếm phần lớn, trong khi tỉ lệ ở mức 4, 5 chỉ dành phần nhỏ. Qua đó cho thấy các em chưa nhận thức được tầm quan trọng trong sự hình thành, phát triển nghề nghiệp bản thân phục vụ cho học tập trước mắt và giảng dạy sau này. Đặc biệt, một số SV khi thực hiện vấn đáp mở đã trả lời ở mức độ 4, 5 nhưng khi hỏi những nội dung liên quan thì không trả lời được. Điều này chứng tỏ các em đã từng nghe nói đến HĐTĐN, cho rằng HĐTĐN là quan trọng, rất quan trọng nhưng không hiểu được bản chất, giá trị của HĐTĐN đối với sự hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

Cũng nhằm đánh giá mức độ quan tâm của SV, với 5 mức độ: 1. Chưa quan tâm, 2. Ít quan tâm, 3. Không ý kiến, 4. Quan tâm, 5. Rất quan tâm, sử dụng hình thức khảo sát và vấn đáp như trên, với kết quả hầu hết SV thừa nhận rằng mình chưa quan tâm, ít quan tâm.

Ngoài ra, với 5 mức độ: 1. Chưa bao giờ, 2. Hiếm khi, 3. Không rõ, 4. Thường xuyên, 5. Rất thường xuyên, sử dụng hình thức khảo sát và vấn đáp như trên, thu được kết quả hầu hết SV thừa nhận rằng mình chưa bao giờ, hiếm khi tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐTĐN.

1.2. HĐTĐN chưa được triển khai thường xuyên và phát huy vai trò chủ đạo của SV

Với 5 cấp độ: 1. Chưa bao giờ, 2. Hiếm khi, 3. Không rõ, 4. Thường xuyên, 5. Rất thường xuyên, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng với kết quả:

- Chưa được triển khai thường xuyên

Kết quả (Bảng 1) cho thấy tỷ lệ ở mức 1, 2, 3 chiếm phần lớn. Qua đó cho thấy trường, khoa, bộ môn chưa thường xuyên tổ chức HĐTN để SV được tham gia; chỉ có GV, bên cạnh học phần HĐTN trong chương trình đã bắt đầu lồng ghép HĐTN vào các học phần khác nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐTN cho SV. Đặc biệt, bộ môn rất hiếm khi tổ chức các hoạt động nhằm giúp SV hiểu biết những nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông hiện nay.

- Chưa phát huy vai trò chủ đạo của SV

Kết quả (Bảng 1) cho thấy tỷ lệ chiếm phần lớn mức 1, 2, 3. Qua đó cho thấy SV chưa được tạo điều kiện thường xuyên để phát huy vai trò chủ đạo của mình trong quá trình học học phần cũng như tổ chức HĐTN. Khảo sát vấn đáp mở còn cho thấy hầu như GV chỉ chú trọng việc cho SV soạn kế hoạch mà chưa triển khai thực tế (điều này thể hiện qua phần bài thu hoạch cuối kỳ). Cũng trong kết quả khảo sát vấn đáp cho thấy sự mất cân đối, chỉ một số ít SV được tạo điều kiện phát huy vai trò chủ đạo trong quá trình tổ chức HĐTN (mức 4. Thường xuyên, thường đó là thành viên của ban cán sự lớp, ban cán sự chi đoàn và chi hội).

1.3. Điều kiện cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, đáp ứng yêu cầu thông tin còn thiếu

Với 5 cấp độ: 1. Rất thiếu, 2. Thiếu, 3. Tương đối, 4. Đầy đủ, 5. Rất đầy đủ, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng với kết quả (Bảng 1) cho thấy mức độ đáp ứng của vật lực, tài lực, chiếm phần lớn tỷ lệ ở mức: 1. Rất thiếu và 2. Thiếu. Riêng về mức độ đáp ứng thông tin, thư viện trường rất tích cực trong việc bổ sung mới tài liệu hàng năm. Thông qua khảo sát vấn đáp, có thể thấy việc bổ sung của thư viện phụ thuộc vào đề xuất từ cơ sở, tuy nhiên vì bận giảng dạy, công tác kiêm nhiệm nên nhiều GV chưa thật sự quan tâm đến việc đề xuất, từ đó việc đáp ứng của thông tin chỉ mới ở mức cơ bản, cần cải thiện trong thời gian tới.

1.4. Mức độ hiểu biết của bản thân về nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông, về phương pháp, công cụ đánh giá HĐTN còn thấp

- Mức độ hiểu biết của bản thân về nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông còn thấp

Sử dụng phương pháp khảo sát, vấn đáp mở để tiến hành đánh giá mức độ hiểu biết của SV về nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông, về phương pháp, công cụ đánh giá HĐTN. Với phiếu đánh giá 5 cấp độ: 1. Không biết, 2. Ít biết, 3. Tương đối biết, 4. Biết rõ, 5. Biết rất rõ, kết quả cho thấy hầu hết ở mức độ 1 và 2. Điều này chứng tỏ SV hầu như chưa tiếp cận với nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông hiện nay.

- Mức độ hiểu biết về phương pháp, công cụ đánh giá HĐTN còn thấp

Để tiến hành đánh giá rất cần SV hiểu biết trong việc lựa chọn phương pháp, thiết kế công cụ đánh giá. Với 5 cấp độ: 1. Không biết, 2. Ít biết, 3. Tương đối biết, 4. Biết rõ, 5. Biết rất rõ, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng. Kết quả khảo sát: 56% mức độ 1; 36% mức độ 2. Kết quả vấn đáp mở: 52% mức độ 1; 34% mức độ 2. Điều này

chúng tỏ SV hầu như không biết, ít biết hoặc đã từng nghe nói nhưng không biết rõ về phương pháp và công cụ trong đánh giá HĐT.N.

1.5. Chưa tiến hành đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và quản lý đầy đủ hồ sơ HĐT.N

- Chưa đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả (Bảng 1) cho thấy tỷ lệ ở mức 1,2 chiếm phần lớn. Qua đó cho thấy khi tổ chức HĐT.N, hầu hết GV, SV chưa bao giờ tiến hành đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

- Chưa quản lý đầy đủ hồ sơ HĐT.N

Với 5 cấp độ: 1. Không quản lý, 2. Ít quản lý, 3. Không rõ, 4. Quản lý tốt, 5. Quản lý rất tốt, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng với kết quả trong Bảng 1 cho thấy tỷ lệ ở mức 1, 2 chiếm phần lớn. Điều này cho thấy cần phải trang bị cho SV hiểu, vận dụng phương pháp, công cụ đánh giá để tiến hành đánh giá, đặc biệt GV cần sử dụng kết quả đánh giá, quản lý đầy đủ hồ sơ trong quá trình giảng dạy, tổ chức hoạt động nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐT.N nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung.

1.6. Chưa thành lập nhóm nghiên cứu HĐT.N

Hiện tại, khoa và trường chưa thành lập nhóm nghiên cứu HĐT.N. Điều này khiến cho SV rất khó có cơ hội được tham gia hoặc tổ chức HĐT.N thường xuyên nhằm nâng cao sự hiểu biết cũng như năng lực tổ chức của mình.

Để đánh giá mức độ cần thiết trong việc thành lập nhóm nghiên cứu HĐT.N, với 5 mức độ: 1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Tương đối cần thiết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng đối với GV và SV, với n=65. Kết quả khảo sát: 22% mức độ 4; 78% mức độ 5. Kết quả vấn đáp mở: 8% mức độ 4; 92% mức độ 5. Điều này cho thấy hầu hết GV, SV đều cho rằng việc thành lập nhóm nghiên cứu HĐT.N là cần thiết và rất cần thiết.

1.7. Năng lực tổ chức HĐT.N của SV còn thấp

Với 5 cấp độ: 1. Chưa thành thạo, 2. Ít thành thạo, 3. Phân vân, 4. Thành thạo, 5. Rất thành thạo, phương pháp khảo sát, vấn đáp được sử dụng để đánh giá về năng lực tự học kiến thức liên quan đến năng lực tổ chức HĐT.N, năng lực lập kế hoạch và triển khai HĐT.N, năng lực đánh giá và sử dụng kết quả trong tổ chức HĐT.N, năng lực lãnh đạo và hợp tác trong tổ chức HĐT.N, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức HĐT.N, năng lực sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp trong tổ chức HĐT.N. Kết quả cho thấy trước khi thực hiện các giải pháp, hầu hết năng lực tổ chức của SV chiếm tỷ lệ lớn ở mức độ: 1. Chưa thành thạo và 2. Ít thành thạo (Phùng Thái Dương, Huỳnh Thị Kiều Trâm, 2018; Phùng Thái Dương, Phan Văn Tuấn, Huỳnh Thị Kiều Trâm, 2017).

2. Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức HĐT.N cho SV ngành giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

2.1. Nâng cao nhận thức, tăng cường tự học, tự nghiên cứu của SV về HĐT.N

Nhằm tăng cường tự học, tự nghiên cứu của SV, thông qua quá trình giảng dạy, báo cáo chuyên đề, tổ chức hoạt động, sinh hoạt lớp... GV cần thường xuyên nhắc nhở, giao bài tập cho các em. Với 5 mức độ: 1. Hoàn toàn không đồng ý (Không quan trọng), 2. Ít đồng ý (Ít quan trọng), 3. Phân vân (Không rõ), 4. Khá đồng ý (Quan trọng), 5. Rất đồng ý (Rất quan trọng), phương pháp khảo sát được sử dụng sau khi tiến hành các giải pháp đối với SV và GV.

Bảng 2: Tăng cường tự học, tự nghiên cứu của bản thân về HĐTN

Nội dung khảo sát	Mức độ quan tâm (%)					Mức độ quan trọng (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tăng cường tự học, tự nghiên cứu của bản thân về HĐTN	0	0	0	13,8	86,2	0	0	0	7,7	92,3

Nguồn: Nhóm nghiên cứu thực hiện tháng 7, năm 2020, n= 65

Kết quả (Bảng 2) cho thấy gần 100% GV, SV rất đồng ý và rất quan trọng, điều đó khẳng định việc tăng cường tự học, tự nghiên cứu của bản thân SV về HĐTN là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho SV

- Xây dựng khung năng lực tổ chức HĐTN

Để giúp SV ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Đồng Tháp có cơ sở khoa học nhằm từng bước nâng cao năng lực tổ chức, năng lực đánh giá HĐTN, việc xây dựng khung năng lực với các nhóm năng lực, năng lực thành phần và tiêu chí chất lượng (yêu cầu đánh giá) được thực hiện.

Với 5 nhóm năng lực đã nêu trong phần 1.7, để tổ chức tốt HĐTN, đòi hỏi SV ngành giáo dục tiểu học phải không ngừng rèn luyện, nâng cao năng lực của mình. Bên cạnh đó, để giúp SV thuận lợi trong quá trình đánh giá năng lực tổ chức HĐTN, các tiêu chí chất lượng cụ thể tương ứng với từng năng lực thành phần được đưa ra. Với bảng tiêu chí chất lượng cụ thể, SV sẽ biết được năng lực của mình cũng như sử dụng để đánh giá năng lực của người khác trong quá trình tổ chức.

Khảo sát SV, GV bằng bộ câu hỏi 5 mức độ: 1. Hoàn toàn không đồng ý (Không quan trọng), 2. Ít đồng ý (Ít quan trọng), 3. Phân vân (Không rõ), 4. Khá đồng ý (Quan trọng), 5. Rất đồng ý (Rất quan trọng), kết quả 100% cho rằng các nhóm năng lực, năng lực thành phần và các tiêu chí ở mức 4 và 5. Khung năng lực là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực tổ chức HĐTN của SV.

- Bồi dưỡng kiến thức liên quan đến năng lực tổ chức HĐTN, thường xuyên tổ chức các hoạt động để giúp SV hiểu biết những nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông

Trong quá trình giảng dạy HĐTN cho SV ngành giáo dục tiểu học, việc bồi dưỡng kiến thức liên quan đến HĐTN và năng lực tổ chức được tiến hành thường xuyên. Đối với học phần, nội dung HĐTN được thể hiện rõ trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết học phần.

Tuy nhiên, để giúp SV hiểu biết và cập nhật những kiến thức liên quan đến HĐTĐ đang triển khai tại trường phổ thông, tránh rơi vào tình trạng lý thuyết hóa, cần có sự tương tác thường xuyên kiến thức HĐTĐ giữa trường đại học và trường phổ thông để giúp SV vừa vận dụng lý thuyết vừa tổ chức được một HĐTĐ ngoài thực tiễn. Việc này sẽ giúp ích SV rất nhiều sau khi ra trường.

- Tổ chức HĐTĐ thực tế

HĐTĐ được tổ chức dưới 2 loại hình, trong nhà trường và ngoài nhà trường, nhưng dù là học phần trên lớp, báo cáo chuyên đề, hoạt động ngoại khóa, hay lồng ghép vào học phần khác... thì HĐTĐ chỉ kết thúc khi SV hoàn thành tổ chức ít nhất hai HĐTĐ.

Để thực hiện tổ chức HĐTĐ thực tế, SV được chia thành các nhóm. Mỗi nhóm tổ chức một HĐTĐ trong đó có nhiều hoạt động nhỏ. Dựa trên khung năng lực tổ chức HĐTĐ mà GV xây dựng, các nhóm thiết kế hoạt động sao cho từng thành viên của nhóm thể hiện được năng lực của mình. Trong quá trình tổ chức nhóm tham gia, các phương pháp, công cụ tiến hành đánh giá nhóm tổ chức được sử dụng. Kết quả đánh giá từ SV kết hợp với đánh giá của GV để tiến hành cho điểm (hoặc nhận xét) từng thành viên trong nhóm.

2.3. Tăng cường điều kiện vật lực, tài lực, tài liệu phục vụ cho tổ chức HĐTĐ

Tùy từng HĐTĐ mà tiến hành tăng cường điều kiện vật lực, tài lực và tài liệu sao cho hợp lý. Về vật lực, cần phát huy tối đa những phương tiện, thiết bị của bộ môn sẵn có bên cạnh kết hợp mượn từ các bộ môn, khoa khác trong trường và ngoài trường. Để tổ chức tốt HĐTĐ đòi hỏi phải có nguồn tài lực. Trong hoàn cảnh khó khăn, việc huy động nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, thầy cô, phụ huynh... được tiến hành. Để đáp ứng nhu cầu tài liệu, nhiều tài liệu liên quan HĐTĐ và năng lực tổ chức HĐTĐ được cung cấp và thường xuyên cập nhật thông qua việc GV đề xuất thư viện của trường bổ sung mỗi học kỳ, hằng năm. Ngoài ra, SV được yêu cầu thường xuyên lên thư viện tìm kiếm, mượn, nghiên cứu tài liệu liên quan HĐTĐ.

2.4. Triển khai thường xuyên và phát huy vai trò chủ đạo của SV

- Hoàn chỉnh khung nội dung chương trình trong đề cương chi tiết học phần

Trước khi tiến hành nghiên cứu, khung chương trình chủ yếu tập trung vào lý thuyết mà không có phần thực hành tổ chức, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và dạy môn HĐTĐ. Nhận thức được lý luận không gắn liền với thực tiễn là lý luận suông, nghiên cứu đã tiến hành hoàn chỉnh đề cương chi tiết học phần với khung nội dung và thời lượng tương ứng. Khung nội dung chương trình đã được thông qua hội đồng khoa học bộ môn, khoa, phòng đào tạo và giảng dạy từ năm học 2019-2020. So với các ngành khác, SV ngành giáo dục tiểu học luôn đi đầu trong học tập, phong trào đoàn, nhận được nhiều giấy khen, giải thưởng trong các cuộc thi liên quan đến tổ chức hoạt động. Được học học phần HĐTĐ với khung chương trình tương đối hoàn chỉnh, SV không những nắm vững lý luận mà còn có năng lực hoạt động thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

- Kết hợp lồng ghép HĐTĐ trong các học phần chuyên ngành, báo cáo chuyên đề, hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình giảng dạy các môn học chuyên ngành, GV thường xuyên nêu bài tập cá nhân và nhóm để SV tiến hành tổ chức HĐTN, từ đó giúp SV nắm vững cũng như áp dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn. Hiện tại, một số học phần như: Thực hành Công tác Đội, Thực hành công tác Đoàn... việc tổ chức HĐTN là một trong những căn cứ rất quan trọng để đánh giá thường xuyên đối với SV.

- Phát huy vai trò chủ đạo của SV

SV chủ đạo trong quá trình bồi dưỡng năng lực cũng như trong tất cả các bước tổ chức HĐTN ngoài thực tế. Để phát huy tối đa vai trò chủ đạo của SV, dưới sự hướng dẫn của GV, SV còn được tham gia báo cáo. Vai trò chủ đạo của SV được quán triệt và thực hiện xuyên suốt trong quá trình thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐTN của SV.

2.5. Tiến hành đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và quản lý đầy đủ hồ sơ HĐTN

- Quy trình đánh giá

Quy trình đánh giá năng lực tổ chức HĐTN được thể hiện qua 8 bước sau (Huỳnh Thị Kiều Trâm, Phùng Thái Dương, 2020):



Hình 1: Quy trình đánh giá năng lực tổ chức HĐTN

- Phương pháp và công cụ đánh giá

Để đánh giá năng lực tổ chức HĐTN, trong quá trình SV tổ chức, GV và SV cần thường xuyên sử dụng phương pháp với các công cụ đánh giá: phiếu ghi chép, phiếu khảo sát, vấn đáp mở, bảng lưu tổ chức hoạt động, bảng tiêu chí xếp loại và bảng tương ứng (Trần Văn Hiếu, 2014; Nguyễn Công Khanh, 2015).

- Sử dụng kết quả đánh giá và quản lý đầy đủ hồ sơ HĐTN

Kết quả đánh giá từ SV và GV là cơ sở quan trọng để GV cho điểm thường kỳ cũng như kết thúc cuối kỳ. Riêng đối với các chuyên đề, hoạt động ngoại khóa đánh giá bằng nhận xét để các em rút kinh nghiệm, từ đó đưa ra giải pháp để nâng cao năng lực tổ chức HĐTN của cá nhân. Kết quả đánh giá cho thấy, sau khi tiến hành tổ chức HĐTN nhằm khẳng định sự nâng cao năng lực của mình, hầu hết SV đạt được số điểm ở hai

mức: A-Giỏi/Rất thành thạo (76%) và B-Khá/Thành thạo (24%), không có SV ở mức C-Trung bình/Phân vân, mức D- Yếu/Ít thành thạo, mức E-Kém/Chưa thành thạo.

Hồ sơ quản lý HĐTN bao gồm: bản in và file 10 bước tổ chức HĐTN, bộ hình ảnh, hồ sơ đánh giá năng lực tổ chức HĐTN từng SV (do SV khác và GV đánh giá), video tổ chức HĐTN, bảng tổng hợp ý kiến nhận xét, rút kinh nghiệm, bảng điểm thường kỳ và kết thúc học phần. HĐTN chỉ kết thúc khi SV và GV hoàn thành đầy đủ các hồ sơ trên và lưu lại.

2.6. Thành lập nhóm nghiên cứu HĐTN

Nhằm duy trì và không ngừng rèn luyện, nâng cao năng lực tổ chức HĐTN, trong thời gian tới rất cần thành lập nhóm nghiên cứu HĐTN. Trưởng, phó nhóm là những SV có năng lực tổ chức HĐTN tốt, đạt kết quả cao trong học phần HĐTN.

Trong học phần, các học phần kết hợp lồng ghép HĐTN, các chuyên đề, hoạt động ngoại khóa... SV nhóm nghiên cứu này sẽ là lực lượng nòng cốt thu hút SV khác tham gia nhằm không ngừng nâng cao năng lực tổ chức cho toàn thể SV bộ môn.

3. Kết luận

Trước khi thực hiện giải pháp mà chúng tôi đề xuất, SV ngành giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức HĐTN: SV chưa nhận thức được tầm quan trọng, ít quan tâm, chưa tự học, tự bồi dưỡng nội dung liên quan đến HĐTN; Chưa được triển khai thường xuyên và phát huy vai trò chủ đạo của SV; Điều kiện cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, đáp ứng yêu cầu thông tin còn thiếu; Mức độ hiểu biết của bản thân về nội dung liên quan đến HĐTN đang triển khai tại trường phổ thông, về phương pháp, công cụ đánh giá HĐTN còn thấp; Chưa tiến hành đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và quản lý đầy đủ hồ sơ HĐTN; Chưa thành lập nhóm nghiên cứu HĐTN; Năng lực tổ chức HĐTN của SV còn thấp.

Từ những khó khăn trên, chúng tôi đã nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các giải pháp phù hợp. Hầu hết GV, SV đánh giá các giải pháp đã triển khai ở mức độ đồng ý (quan trọng), rất đồng ý (rất quan trọng). Qua quá trình triển khai giải pháp, năng lực tổ chức HĐTN của SV ngành giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp ngày càng được nâng cao. SV không những nắm vững lý luận, tình hình triển khai HĐTN ở trường phổ thông mà còn có năng lực hoạt động thực tiễn, giúp họ luôn đi đầu trong học tập, phong trào đoàn - hội, nhận được nhiều giấy khen, giải thưởng trong các cuộc thi liên quan đến tổ chức hoạt động của khoa và nhà trường. Giải pháp đưa ra đã được thực nghiệm, do đó có thể tham khảo và vận dụng cho các ngành khác, trường khác nhằm giúp nâng cao năng lực tổ chức HĐTN cho SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phùng Thái Dương, Huỳnh Thị Kiều Trâm (2018). Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*. Số đặc biệt tháng 04 (kì 2), tr. 276-282.

Phùng Thái Dương, Phan Văn Tuấn, Huỳnh Thị Kiều Trâm (2017). Khung năng lực và đánh giá năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên ngành Sư

- phạm Địa lý, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*. Số đặc biệt tháng 12/2017, tr. 99-104.
- Huỳnh Thị Kiều Trâm, Phùng Thái Dương (2020). Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, Số 106 (167), tr. 107-111.
- Trần Văn Hiếu (2014). *Giáo trình đánh giá trong giáo dục*. NXB Thừa Thiên Huế, 156 trang.
- Nguyễn Công Khanh (2015). *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 280 trang.

SUMMARY

SOLUTIONS TO INCREASE THE ABILITY TO ORGANIZE EXPERIENTIAL LEARNING ACTIVITIES FOR STUDENTS IN PRIMARY EDUCATION, DONG THAP UNIVERSITY

Huỳnh Thị Kiều Trâm

Department of Education, Dong Thap University

Received on 08/10/2020, accepted for publication on 11/12/2020

Recently, the ability to organize experiential learning activities (AOELA) for primary school students with many diverse and rich forms is one of the output requirements that gets significant attention at primary pedagogical education institutions in Vietnam. The author conducted the surveys by questionnaires and open-ended interviews to evaluate the effectiveness of AOELA of primary education students at Dong Thap University. The results show that there are several limitations and challenges in AOELA of the examined students. Several solutions to improve AOELA of students in primary education, such as: raising awareness; enhancing self-study, self-research abilities; increasing the conditions of materials, financial resources, informative documents for the organizing experiential learning activities; implementing regularly and promoting the key role of students. Empirical results show that student's capacity is continuously enhanced through the implementation of the above solutions.

Keywords: Experiential learning activities; organizational capacity; primary education.